

Số: 3729/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010 - 2020

| | |
|----------------------------|---------------|
| U. B. N. D. HUYỆN VĨNH CỬU | |
| xã hội | Số: 1580/LB |
| 2020 | Nguồn: TTP |
| | CHUYÊN: 30/12 |
| | LƯU HỒ SƠ |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 2178/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 441/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 12 năm 2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2010 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2010 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng huyện Vĩnh Cửu trở thành huyện phát triển vào mức trung bình khá của tỉnh, giữ vị trí quan trọng về quốc phòng và bảo vệ tài nguyên môi trường (bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường nước đầu nguồn) trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế xã hội với tốc độ cao, bền vững gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp và nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Chú trọng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch; xem đây là một trong những nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội ở huyện, nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trên cơ sở kế thừa có chọn lọc hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đã có.

4. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho bước phát triển thời kỳ tiếp theo.

5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với phát triển các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục nhằm thực hiện an sinh xã hội trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường, nhằm đưa Vĩnh Cửu trở thành huyện phát triển vào mức trung bình khá của tỉnh và phấn đấu đến năm 2020 khoảng 55% – 60% xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 10%. Trong đó:

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 9%.

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 11%.

- Cơ cấu kinh tế năm 2015: Công nghiệp – xây dựng chiếm 69,1%; dịch vụ chiếm 23,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,3%. Năm 2020: Công nghiệp – xây dựng chiếm 58,3%; dịch vụ chiếm 36,4%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5,3%.

- GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) năm 2015 đạt 31,7 triệu đồng, năm 2020 đạt 45,4 triệu đồng.

- Tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt và vượt dự toán Tỉnh giao.

- Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 8.500 đến 9.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 15.000 – 16.000 tỷ đồng.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1% vào năm 2015 và duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%. Quy mô dân số năm 2015 khoảng 160 ngàn người, trong đó dân số đô thị chiếm khoảng 40%; năm 2020 khoảng 200 ngàn người, trong đó dân số đô thị chiếm 55%.

- Duy trì, giữ vững kết quả phổ cập các bậc học phổ thông.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng dưới 5 tuổi còn dưới 10% vào năm 2015, còn dưới 5% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1,5% theo chuẩn nghèo hiện hành của tỉnh.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 đạt trên 60%, trong đó 45 – 50% được đào tạo nghề. Năm 2020 đạt trên 70%, trong đó 50 – 55% được đào tạo nghề.

- Giải quyết việc làm cho 3.500 lao động/năm giai đoạn 2011-2015 và 4.000 – 4.500 lao động/năm giai đoạn 2016-2020.

- Năm 2015: Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa trên 98% và tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt 90%. Năm 2020: Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa trên 99% và tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt 95%.

- Nâng tuổi thọ trung bình của dân số năm 2015 lên 77 tuổi và năm 2020 lên 78 tuổi.

- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 99% vào năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Củng cố an ninh quốc phòng, đảm bảo trật tự xã hội, tăng cường lực lượng dân quân tự vệ, để đạt tỷ lệ tham gia thường xuyên khoảng 3% dân số.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Năm 2015: Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 68%, trong đó tỷ lệ che phủ của rừng đạt 63,5% và duy trì tỷ lệ này đến năm 2020

- Đến năm 2015 thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp không độc hại, rác thải y tế đạt 100%, chất thải rắn độc hại đạt 80%. Năm 2020 thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp không độc hại, rác thải y tế, chất thải rắn độc hại đạt 100%.

- Năm 2015: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 99%. Năm 2020: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Ngành công nghiệp xây dựng:

- Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2015 gấp 1,8 lần năm 2010; năm 2020 gấp 1,9 – 2 lần năm 2015.

- Tập trung công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng trong các khu cụm công nghiệp.

- Tiếp tục thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp, ưu tiên phát triển những ngành hàng và sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng cao; coi trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp truyền thống, chủ lực và có sự cạnh tranh cao của huyện.

- Tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và lấp đầy diện tích các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Cụ thể:

+ Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thạnh Phú với diện tích 177,2ha.

+ Cụm công nghiệp Quy hoạch 7 cụm công nghiệp và 1 làng nghề trên địa bàn huyện với tổng diện tích 400,2 ha, bao gồm: (1). Cụm công nghiệp Thiện Tân – Thạnh

Phú 96,6ha; (2). Cụm công nghiệp Trị An 48,8ha; (3). Cụm công nghiệp Vĩnh Tân 50ha; (4). Cụm công nghiệp thị trấn Vĩnh An 50ha; (5). Cụm công nghiệp Tân An 50ha; (6). Cụm công nghiệp Thiện Tân 50ha, mở rộng lên 75ha; (7). Cụm công nghiệp VLXD Tân An 50ha. Làng nghề đúc gang Tân An 4,8ha.

2. Ngành thương mại – dịch vụ:

- Tập trung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển dịch vụ nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ tăng bình quân năm giai đoạn 2011-2015 là 25%/năm, giai đoạn 2006 – 2020 là 22%.

- Quan tâm phát triển ngành dịch vụ có tính đột phá như dịch vụ giáo dục đào tạo và dạy nghề, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ đầu tư, dịch vụ phân phối bán lẻ, dịch vụ phục vụ sản xuất và phát triển đô thị.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn như: Khu du lịch Đảo Ó – Đồng Trường, dịch vụ du lịch làng bưởi Tân Triều, khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, khu du lịch sinh thái Rạch Đông, du lịch sinh thái hồ Mo Nang, du lịch sinh thái Cao Minh (xã Vĩnh Tân), phối hợp với hệ thống du lịch Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh để đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch và các tuyến du lịch trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị, bao gồm: Xây dựng 03 trung tâm thương mại: (1). Trung tâm thương mại TT. Vĩnh An, (2). Trung tâm thương mại Thanh Phú, (3). Trung tâm thương mại Phú Lý. Quy hoạch 03 siêu thị hạng III theo hướng xã hội hóa, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, trong đó siêu thị tại xã Thanh Phú đã đi vào hoạt động, tiếp tục kêu gọi đầu tư 02 siêu thị tại Tân An và TT. Vĩnh An. Xây dựng, nâng cấp mạng lưới chợ: Xây dựng mới 06 chợ đạt tiêu chuẩn chợ loại 3: Trị An, Thiện Tân, Tân An, Hiếu Liêm, Mã Đà, Thanh Phú. Cùng cố hoạt động, chỉ định thầu đầu tư khai thác 05 chợ đã được xây dựng: Tân Bình, Vĩnh Tân; KP5 – TT. Vĩnh An đạt tiêu chuẩn chợ loại 2; Phú Lý và KP1 – TT. Vĩnh An đạt tiêu chuẩn chợ loại 3. Từng bước giải tỏa các chợ tự phát, duy trì mạng lưới chợ trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 11 chợ.

- Quy hoạch mạng lưới trạm cung cấp xăng dầu, trong đó dự kiến đến năm 2020 đầu tư thêm trên địa bàn huyện 18 trạm cung cấp xăng dầu. Nâng tổng số trạm xăng dầu trên địa bàn huyện lên 38 trạm.

3. Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản:

- Phân đầu đạt giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2011 – 2015 là 5,2%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 là 4,6%/năm.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu nông nghiệp, nâng tỷ trọng chăn nuôi từ 32% năm 2010 lên 50% năm 2015 và khoảng 55-60% vào năm 2020 trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Nâng giá trị sản xuất ngành trồng trọt/01ha đất canh tác/năm theo giá hiện hành từ 41,9 triệu đồng năm 2010 lên khoảng 75 triệu đồng năm 2015 và khoảng 100 triệu đồng năm 2020.

- Quy hoạch phát triển sản lượng một số loại cây trồng chính: Lúa 32.400 tấn, Bắp 24.000 tấn, Khoai mì 27.300 tấn, Rau các loại 14.000 – 15.000 tấn, Mía 82.500 tấn, Xoài 10.000 tấn, Bưởi 10.500 tấn, Cao su 1.200 tấn, Điều 3.000 tấn.

- Quy mô đàn vật nuôi năm 2020: Heo 200.000 con, Gà 725.000 con, Cút 418.000 con, Bò 21.000 con, Dê 3.000 con, Hươu nai 1.500 con.

- Quy hoạch 10 vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung với quy mô 950ha: Ấp Bình Chánh, ấp Cây Xoài – Tân An 100ha; Ấp 1 – Trị An 80ha; KP4-TT. Vĩnh An 45ha; KP3,6,7-TT. Vĩnh An 115ha; KP2-TT. Vĩnh An 75ha; Ấp 3- Vĩnh Tân 35ha; Ấp 3,6 – Vĩnh Tân 110ha; Ấp 4 – Phú Lý 100ha; Ấp 3 – Hiếu Liêm 115ha; Ấp 1 – Hiếu Liêm 175ha.

- Quy hoạch 03 điểm giết mổ gia súc, gia cầm: KP2 – TT. Vĩnh An, Bình Chánh – Tân An, ấp 6 – Thanh Phú.

- Giữ vững diện tích rừng theo kết quả phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh. Thực hiện tốt việc bảo vệ và tu bổ rừng, trồng mới diện tích đất có khả năng phát triển lâm nghiệp, quản lý đất lâm nghiệp theo địa bàn của từng đơn vị quản lý. Đẩy mạnh, khuyến khích trồng cây phân tán trong nhân dân để tăng độ che phủ.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản từ 1.005ha hiện nay lên 1.215ha vào năm 2020 bằng cách chuyển đổi 210ha đất lúa 01 vụ ngập úng, sản xuất không ổn định sang phát triển nuôi trồng thủy sản. Hạn chế phát triển mới số lượng bè và mật độ nuôi bè trên hồ Trị An để đảm bảo môi trường cho nguồn nước hồ Trị An. Đưa sản lượng thủy sản từ 750 tấn hiện nay lên 1.300 tấn năm 2015 và khoảng 1.500 tấn vào năm 2020.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng:

Phát triển mạnh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện, gắn kết với hệ thống kết cấu hạ tầng chung của Tỉnh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất và phục vụ đời sống, tăng tốc độ và tỷ trọng của khu vực dịch vụ và kết cấu hạ tầng trong cơ cấu phát triển kinh tế của huyện.

a) Giao thông vận tải:

- Đường vành đai: Xây dựng mới 02 đường vành đai với tổng chiều dài qua huyện Vĩnh Cửu 24,3 km. Trong đó đường vành đai 4 vùng KTTĐPN, tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 7,7 km; đường vành đai TP. Biên Hòa, tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu dài 16,6km.

- Đường tỉnh có 7 tuyến đi qua huyện Vĩnh Cửu với tổng chiều dài 104,2 km, trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp cho 02 tuyến huyết mạch đi qua huyện là ĐT 767 và ĐT 768.

- Đường huyện: Đầu tư mới, nâng cấp, cứng hóa 228,46 km.

- Đường nội thị, nông thôn và chuyên dùng: Nâng cấp, cứng hóa 426,79 km đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nâng cấp và củng cố hoạt động các bến đò trên địa bàn huyện để đảm bảo an toàn trong lưu thông đường thủy.

- Nâng cấp và xây dựng 3 bến xe trên địa bàn huyện, bao gồm đầu tư nâng cấp bến xe thị trấn Vĩnh An, bến xe xã Phú Lý, xây dựng bến xe Thiện Tân.

b) Cung cấp điện:

- Xây dựng mới 2 trạm 110 kV là Vĩnh An: 40 MVA và Trị An: 40 MVA. Mở rộng nâng công suất trạm 110/22kV Thạnh Phú, lắp máy T2 công suất 63MVA đưa quy mô của trạm lên (40+63) MVA.

- Giai đoạn sau nâng công suất máy T1 trạm 110 kV Thạnh Phú từ 40 MVA lên 63 MVA. Lắp máy 2 với dung lượng 40 MVA cho trạm 110 kV Vĩnh An và Trị An.

- Cải tạo và xây dựng mới một số tuyến trung thế để có thể tiếp nhận công suất của trạm 110kV Vĩnh An và Trị An. Các tuyến trung thế 01 pha và 03 pha tiết diện dây dẫn nhỏ ở khu vực trung tâm các xã được cải tạo lên 03 pha, để có thể phục vụ cho phát triển sản xuất CN – TTCN.

- Phát triển mạng lưới hạ thế gắn với các tuyến trung thế và trạm biến áp xây mới để cấp điện cho các khu dân cư chưa có điện. Phần đầu số hộ sử dụng điện đạt trên 99% vào năm 2015.

c) Thủy lợi:

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi hiện có, kiên cố hóa 100% hệ thống kênh mương nội đồng và đầu tư xây dựng mới một số công trình thủy lợi nhằm cung cấp nước tưới cho phát triển sản xuất nông nghiệp và cải tạo tiểu khí hậu trong khu vực.

- Xây dựng mới 3 trạm bơm: Trạm bơm Lý Lịch, trạm bơm Hiếu Liêm và trạm bơm Giồng Lầu để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

- Nạo vét các suối: Suối Sâu, suối Đường Cộ và suối Rạch Lãng để tiêu thoát nước trong từng lưu vực.

- Khuyến khích, hỗ trợ lãi suất vay cho các hộ đầu tư lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm kết hợp bón phân qua đường ống.

d) Cấp nước:

- Tiếp tục đầu tư, nâng công suất nhà máy nước Thiện Tân từ 100.000 m³/ngày đêm hiện nay lên 300.000 m³/ngày đêm vào năm 2015 và đạt 400.000 m³/ngày đêm vào năm 2020.

- Nâng công suất Xi nghiệp nước thị trấn Vĩnh An đạt 4.000 m³/ngày đêm; trạm tăng áp Thạnh Phú 10.000 m³/ngày đêm.

- Xây dựng mới 4 trạm cấp nước: Đường Cộ - Tân An; Tân Triều; Bình Ý – Tân Bình và Trị An để cung cấp nước cho các khu dân cư tập trung và các Cụm CN – TTCN.

e) Trụ sở làm việc xã, ấp:

- Về trụ sở xã: Giai đoạn 2011 – 2015 xây dựng 05 trụ sở các xã: Bình Hòa, Thạnh Phú, Thiện Tân, Hiếu Liêm và Mã Đà. Giai đoạn 2016 – 2020 đầu tư xây dựng trụ sở 03 đơn vị cấp xã dự kiến tách mới.

- Về hội trường ấp, khu phố: Tiếp tục đầu tư hội trường ấp, khu phố gắn với hoạt động văn hóa cơ sở, đảm bảo đến năm 2015 đạt 100% ấp, khu phố có hội trường và hoạt động văn hóa thường xuyên.

5. Phát triển đô thị, dân cư nông thôn:

